TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Anh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Ông : Nguyễn Đình Nhàn.

2) Bà Lê Thị Sử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đạt.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh– Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Phan Thành H**,** sinh năm: 1986

Nơi cư trú: 12, ấp Phú Chánh, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: chị Lê Thị B **,** sinh năm: 1989

Nơi cư trú: xóm 06 xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa anh Phan Thành H bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Thành H kết hôn với chị Lê Thị B vào ngày 11/02/2009, do hai người tự nguyện tìm hiểu và khi kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre. Sau khi cưới được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi vã nhau, chị B đã bỏ về bên ngoại sống từ năm 2010 đến nay. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng với chị Lê Thị B không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Theo anh H trình bày anh và chị B chưa có con chung

Về tài sản: Vợ chồng tự phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Lê thị B không có mặt nên không có lời trình bày của chị B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu quan điểm về vụ án:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX xét xử cho anh Phạm Thành H được ly hôn với chị Lê Thị B, Vợ chồng không có con chung, không giải quyết tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Phan Thành H và chị Lê Thị B kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre. Do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền được qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Lê Thị B vắng mặt. Đây là lần triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị B vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị B là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Phan Thành H và chị Lê Thị B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đặc biệt, từ năm 2010 đến nay mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, chị B bỏ về bên ngoại sinh sống, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay, nên anh H đã làm đơn yêu cầu được ly hôn. Trước Toà án hôm nay, anh H vẫn khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai người hoàn toàn không còn và chị kiên quyết xin được giải quyết ly hôn.

Xét thấy vợ chồng đã sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu ly hôn, vì vậy xử cho anh H được ly hôn chị B là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con cái: Vợ chồng chưa có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản và các khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: anh Phan Thành H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Cho anh Phan Thành H được ly hôn chị Lê Thị B

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Buộc anh Phan Thành H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được tính trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nạp tại biên lai số 0005478 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đức Anh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Đô Lương;*
- *Chi cục THADS huyện Đô Lương;*
- *UBND xã Phú Hưng, TP Bến Tre;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đô Lương, ngày 15 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần xét xử gồm có:
- Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Anh**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đình Nhàn**
2. Bà **Lê Thị Sử**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Thành H được ly hôn với chị Lê Thị B

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100 %

2. Về nuôi con chung : Vợ chồng chưa có con chung

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100 %

3. *Về chia tài sản :* Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. *Về án phí:* anh Nguyễn Bá Nhàn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được tính trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nạp tại biên lai số 0005478 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100 %

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Đình Nhàn Lê Thị Sử Nguyễn Đức Anh